

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nội dung ôn tập môn Kiến thức chung, các môn Nghiệp vụ chuyên ngành và Tin học văn phòng, kỳ thi tuyển công chức cấp xã năm 2017

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 1725/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã năm 2017;

Xét đề nghị của Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng thi tuyển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung ôn tập môn Kiến thức chung, các môn Nghiệp vụ chuyên ngành và Tin học văn phòng, kỳ thi tuyển công chức cấp xã năm 2017; cụ thể như sau:

1. Nội dung ôn tập môn Kiến thức chung: Phụ lục 01 kèm theo.
2. Nội dung ôn tập các môn Nghiệp vụ chuyên ngành: Phụ lục 02 kèm theo.
3. Nội dung ôn tập môn Tin học văn phòng: Phụ lục 03 kèm theo.

Điều 2. Sở Nội vụ có trách nhiệm in ấn tài liệu ôn tập và đăng tải toàn bộ nội dung ôn tập trên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ; các sở, ngành được phân công biên soạn đề cương ôn tập các môn Nghiệp vụ chuyên ngành có trách nhiệm đăng tải nội dung ôn tập môn Nghiệp vụ chuyên ngành trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình.

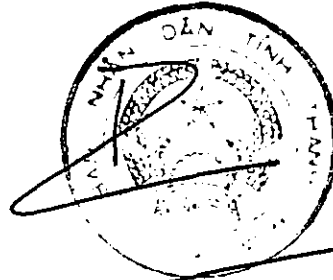
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thành viên Hội đồng thi, Ban Đề thi kỳ thi tuyển công chức cấp xã, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

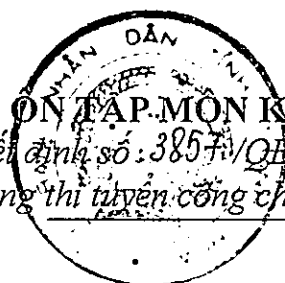
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- Ban Giám sát thi tuyển công chức cấp xã;
- Lưu: VT, HĐTT, THKH.

**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phạm Đăng Quyền**

NỘI DUNG ON TẬP MÔN KIẾN THỨC CHUNG
(Kèm theo Quyết định số 3857/QĐ-HĐTT ngày 11/10/2017
của Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã năm 2017)



Chuyên đề 1. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

I. Tổng quan về hệ thống chính trị.

II. Hệ thống chính trị ở cơ sở.

Chuyên đề 2. NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

I. Nhà nước và bộ máy nhà nước.

II. Tổ chức hành chính nhà nước.

Chuyên đề 3. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

I. Quản lý nhà nước.

II. Quản lý hành chính nhà nước.

Chuyên đề 4. TỔNG QUAN VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

I. Cán bộ, công chức và cán bộ, công chức cấp xã.

II. Vị trí, vai trò, đặc điểm của cán bộ, công chức cấp xã.

**Chuyên đề 5. SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH VÀ KỸ NĂNG
TRA CỨU, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

I. Văn bản quản lý nhà nước.

II. Ban hành văn bản quản lý nhà nước ở cấp xã.

III. Quy trình soạn thảo và ban hành văn bản quản lý nhà nước của UBND cấp xã.

IV. Kỹ năng tra cứu, hệ thống hóa văn bản pháp luật.

Chuyên đề 6. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

I. Những vấn đề chung về cải cách hành chính.

II. Cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông./.

NỘI DUNG ÔN TẬP CÁC MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 3857/QĐ-HĐTT ngày 11/10/2017
của Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã năm 2017)

I. VĂN PHÒNG - THỐNG KÊ**Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015**

Chương I. Những quy định chung.

- Tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính.
- Hội đồng nhân dân (HĐND).
- Ủy ban nhân dân (UBND).
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND.
- Nhiệm kỳ của HĐND, UBND.
- Phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương.

1

Chương II. Chính quyền địa phương ở nông thôn.

Mục 3. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương ở xã.

Chương III. Chính quyền địa phương ở đô thị.

Mục 4. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương ở phường.

Mục 5. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương ở thị trấn.

Chương VI. Hoạt động của chính quyền địa phương.

Mục 1. Hoạt động của HĐND.

- Họp HĐND.
- Bầu các chức danh của HĐND, UBND.

	- Hoạt động giám sát của HĐND. - Quyền và trách nhiệm của đại biểu HĐND. - Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND. Mục 2. Hoạt động của UBND.
2	Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã - Cơ quan chuyên môn của UBND. - Chức danh chuyên môn của UBND cấp xã.
3	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật - Định nghĩa văn bản quy phạm pháp luật. - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. - Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật. - Trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND cấp xã. - Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.
4	Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu - Giải thích từ ngữ.

	- Hình thức văn bản. Hình thức và thể thức của văn bản hành chính. - Quản lý văn bản đến, văn bản đi của cơ quan, tổ chức (Mục 1, 2, Chương III Nghị định 110/2004/NĐ-CP). - Ký văn bản; bản sao văn bản; chuyển phát và đính chính văn bản, lưu văn bản. - Quản lý và sử dụng con dấu trong cơ quan, tổ chức (Mục IV, Chương III Nghị định 110/2004/NĐ-CP và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP).
5	Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011
	Chương I. Những quy định chung. - Giải thích từ ngữ. Chương II. Thu thập tài liệu lưu trữ. Mục 1. Lập hồ sơ và quản lý hồ sơ tài liệu tại lưu trữ cơ quan. - Trách nhiệm của lưu trữ cơ quan. - Thời hạn nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan. - Trách nhiệm giao, nhận hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan. - Quản lý tài liệu lưu trữ của xã, phường, thị trấn. Mục 2. Chinh lý, xác định giá trị tài liệu. - Thời hạn bảo quản tài liệu. Chương III. Bảo quản, thống kê tài liệu lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị. - Hủy tài liệu hết giá trị. Chương IV. Sử dụng tài liệu lưu trữ.
6	Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

	- Định lề trang văn bản.
	- Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản (Chương II).
	- Thể thức và kỹ thuật trình bày bản sao (Chương III).
	- Thực hành soạn thảo 01 văn bản hành chính của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn.
7	Luật Thống kê ngày 23/11/2015 và Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê
	Chương I. Những quy định chung.
	- Giải thích từ ngữ.
	- Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê.
	Chương II. Hệ thống thông tin thống kê Nhà nước.
	- Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện.
	- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.
	- Phân loại thống kê.
	Chương III. Thu thập thông tin thống kê Nhà nước.
	Mục 1. Điều tra thống kê.
	Mục 2. Chế độ báo cáo thống kê.
	Chương IV. Phân tích và dự báo thống kê, công bố và phổ biến thông tin thống kê Nhà nước.
	- Phân tích và dự báo thống kê.

	- Công bố thông tin thống kê Nhà nước.
	- Phổ biến thông tin thống kê Nhà nước.
	Chương VII. Tổ chức thống kê Nhà nước.
8	Thủ tục hành chính lĩnh vực thi đua, khen thưởng cấp xã
	- Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công bố thủ tục hành chính đặc thù trong lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa.
	- Quyết định số 1052/QĐ-BNV ngày 10/10/2014 của Bộ Nội vụ công bố thủ tục hành chính thuộc phạm chức năng quản lý của Bộ Nội vụ (<i>phần TTHC lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã</i>).
II. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	
1	Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước (không bao gồm các Điều: 4, 5, 8, 13, 14, 20, 35).
2	Chương I và Chương V của Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.
3	Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.
4	Phần A; Mục II, III phần B; mục III phần C Điều 1, Quyết định số 4761/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh Thanh Hóa.
5	Các Khoản 1, 2, 4, 7, 11, 12, 13 Mục I; Mục IV; Mục V Phần thứ nhất “Quy định chung” của Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành “Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã”.
6	Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách

	xã, phường, thị trấn.
7	Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.
III. TƯ PHÁP - HỘ TỊCH	
1	Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - Sở Tư pháp (chương I). - Phòng Tư pháp (chương II). - Tổ chức thực hiện (chương III).
2	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 - Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật (Điều 2 và Khoản 1, Điều 3). - Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp huyện (Điều 30). - Xây dựng, ban hành Nghị quyết, Quyết định của HĐND, UBND cấp xã (Chương XI: Điều 142, 143, 144 và Điều 145).
3	Luật Hộ tịch - Những quy định chung (Chương I: Điều 2, 3, 5 và Điều 7). - Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã (Chương II: Điều 13, 14, 15, 16, 17 và Điều 18). - Trách nhiệm quản lý Nhà nước về hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch (Chương VI: Điều 71, 72, 73 và Điều 74).
4	Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch - Những quy định chung (Chương I: Điều 8).

	- Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã (Chương II: Điều 14, 15, 16, 21 và Điều 22).
	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch
5	- Những quy định chung (Chương I: Điều 2, 3, 4, 5 và Điều 6). - Chứng thực bản sao từ bản chính, Chứng thực chữ ký (Chương II: Mục 2 và Mục 3). - Quản lý nhà nước về chứng thực (Khoản 2, Điều 43).
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI	
A	LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO, DU LỊCH VÀ GIA ĐÌNH
	Lĩnh vực văn hoá:
1	- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12. - Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. - Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”; “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương. - Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ hướng dẫn việc thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo. - Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/09/2014 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. - Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2015 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức lễ hội.

	- Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn. - Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. - Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di tích Lịch sử - Văn hóa, Danh lam Thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Quyết định số 5382/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định quản lý, tổ chức lễ hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 18/9/2015 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ về xây dựng phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
2	Lĩnh vực Thể dục thể thao: Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở.
3	Lĩnh vực Gia đình: Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/2/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng chống bạo lực gia đình.
4	Lĩnh vực du lịch: Quyết định số 718/QĐ-BVHTTDL ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch.
5	Liên hệ thực tế công tác quản lý lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình tại xã, phường, thị trấn; những tồn tại, vướng mắc trong công tác quản lý lĩnh vực tại địa phương, đề xuất các giải pháp.
B	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1	Lĩnh vực người có công: - Điều 1, Điều 21; Điều 25 Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng - Điều 4, 10, 17, 20, 21, 24, 27, 32, 36, 43, 45, 47, 53, 62, 64, Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. - Điều 1 và Điều 3 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ quy định mức chuẩn để xác định các mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng. - Điều 2 và Điều 8, Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. - Điều 39, 40 và Điều 50 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. - Điều 4 và Điều 17 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/6/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.
2	Lĩnh vực giảm nghèo: - Điều 1, Điều 2 Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020. - Điều 1 Quyết định số 289-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XVIII ban hành Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020. - Điều 2, Điều 4; mục 2, mục 4, mục 6 Điều 6, Điều 7 Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020. - Mục I, II của Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2017 tỉnh Thanh Hóa. - Điều 5 Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII ban hành quy định về

	nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Mục 6, Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020. - Phụ lục Tổng hợp danh sách kèm Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020. - Mục 2, Điều 1 Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.
3	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: - Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 21, Điều 23, Điều 24 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009. - Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 11, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 32, Điều 33, Điều 50, Điều 52 Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010. - Điều 2 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật. - Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 32, Điều 33, Điều 41 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội. - Điều 5 của Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi. - Mẫu số 01 - Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLB-BLĐTBXH-BYT-BTC-GD&ĐT ngày 28/12/2012 về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.
4	Lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em: - Điều 2, Điều 3, Điều 4 Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em. - Mục I, II, IV Kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo

	Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa. - Mục I, II, VII Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020. - Điều 1, 5, 6, 10, Chương I; Điều 47, 48, 49, 50, Mục I, Chương III của Luật Trẻ em năm 2016. - Điều 1, Mục I của Quyết định số 1776/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020.
V. ĐỊA CHÍNH - NÔNG NGHIỆP	
A	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
1	Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn: Điều 6.
2	Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT/BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND cấp tỉnh và Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND cấp huyện, gồm các Điều: 4, 5.
3	Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, gồm các Điều: 3, 5, 7, 8, 10, 12, 13, 15, 16, 17, 22, 35, 36, 37, 39, 40, 54, 55, 56, 57, 59, 61, 62, 66, 74, 75, 82, 100, 118, 119, 125, 126, 129, 143, 144, 166, 170, 179, 191, 203.
4	Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, gồm các Điều: 18, 19, 68, 97.
5	Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, gồm các Điều: 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.
6	Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, gồm các Điều: 19, 28.
7	Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, gồm các Điều: 2, 4, 5, 12, 14, 27, 28, 31.

8	Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010, gồm các Điều: 4, 8, 42, 81.
9	Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014, gồm các Điều: 4, 7, 8, 22, 30, 33, 68, 72, 80, 112, 143.
10	Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm các Điều: 5, 6, 17, 18.
11	Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, gồm các Điều: 1, 4, 8, 9, 10, 11, 48, 52.
12	Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định hạn mức giao đất ở; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức công nhận đất ở và hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh.
13	Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
B	LĨNH VỰC XÂY DỰNG - ĐÔ THỊ
1	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014: Ngày có hiệu lực; ngày Quốc hội thông qua; số điều. Các Điều: 3, 4, 7, 10, 12, 13, 14, 15, 20, 23, 25, 32- 35, 40-44, 50-52, 54-55, 57-58, 68-71, 75, 109, 111, Điều 112 (Khoản 1), 113 (Khoản 1), 118, 123, 134 (Khoản 2), 147 (Khoản 2), 147 (Khoản 4), 148 (Khoản 3).
2	Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng: Điều 18.
3	Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng: Điều 1.
4	Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng: Các Điều 4-6, 25, 32, 35, 43, 49 và 51.
5	Quyết định số 484/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa phân công, phân cấp, ủy quyền kiểm tra công

	tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá: Điều 1 và Điều 2.
6	Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng: Các Điều 4, 6, 11, 14, 15 và 33.
7	Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Các Điều 4-6, 7, 10, 28-30.
8	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng: Các Điều 3, 6, 16, 27, 35-37 và 39.
9	Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng: Tên Thông tư.
10	Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Tên Thông tư.
11	Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng: Toàn bộ.
12	Quyết định số 699/2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa Quy định thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng, quy mô công trình được cấp phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá: Điều 3 và Điều 4 của Quy định.
13	Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng: Tên Thông tư.
14	Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Điều 3.
C	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
1	Phần III, Thông tư số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn.
2	Chương II, Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công

	trách nhiệm quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3	Phần II, Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
4	Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.
5	Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020.
6	Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 5 và Chương 8 Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012./.

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN TIN HỌC VĂN PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số: 3854/QĐ-HĐTT ngày 11/10/2017
của Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã năm 2017)

I. Hệ điều hành Windows, mạng, Internet

- Khái niệm, chức năng của hệ điều hành.
- Công dụng của các nhóm biểu tượng trong màn hình Desktop: Menu Start, Taskbar, My Computer, Recycle Bin.
- Thao tác trên cửa sổ: phóng to, thu nhỏ, đóng cửa sổ (ứng dụng), chuyển đổi qua lại giữa các ứng dụng.
- Các khái niệm: ổ đĩa, tập tin, thư mục, đường dẫn; các thao tác với tệp (File) và thư mục (Folder): tạo mới (Folder, Shortcut), chọn, sao chép, di chuyển, xóa, đổi tên, thiết lập thuộc tính.
- Cách thiết lập chế độ bảo vệ màn hình, đặt chế độ màn hình nghỉ, thiết lập độ phân giải của màn hình, thay đổi ngày, giờ trên máy tính.
- Xử lý tiếng Việt: Font chữ tiếng Việt (.vnTime, .vnTimeH, Times New Roman, Arial, Tahoma, Verdana,...); sự tương thích giữa font chữ, kiểu gõ và bảng mã; chuyển đổi qua lại giữa các font chữ, bộ gõ tiếng việt Unikey,....
- Nén và giải nén dữ liệu (phần mềm WinRAR).
- Các thao tác khi sử dụng một trình duyệt Web (Mozilla Firefox).
- Phân biệt đuôi của địa chỉ tên miền, phân biệt trang tìm kiếm thông tin (máy tìm kiếm) với trang thông tin.
- Đăng ký tài khoản email và các thao tác với email (soạn, gửi, xem, trả lời email,...).
- Tìm kiếm thông tin trong máy tính và trên Internet.
- Một số phím tắt thông dụng trên Windows.

II. Phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word

- Các thao tác với tệp văn bản: tạo tệp mới, mở tệp đã có trên đĩa, lưu trữ tệp tin.

- Các thao tác cơ bản trên khối văn bản: chọn (bôi đen), sao chép, di chuyển, xoá, tìm kiếm và thay thế,....

- Định dạng văn bản:

- + Định dạng ký tự (Text): font chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ, chỉ số trên, chỉ số dưới,....

- + Định dạng cho đoạn văn bản (Paragraph): căn lề, độ rộng của dòng, khoảng cách giữa các đoạn.

- + Định dạng trang in (Page): khổ giấy, hướng giấy, lề trang, tiêu đề trang in,....

- + Định dạng khác: ký tự đầu đoạn (Bullets and Numbering), cột báo (Columns), chữ rơi (Drop cap), định vị Tabs,....

- Chèn đối tượng vào văn bản: ký tự đặc biệt, hình ảnh, khung chữ, chữ nghệ thuật, số trang, ngắt trang, đường kẻ, hình cơ bản, công thức toán học, biểu đồ,....

- Bảng biểu: chèn bảng, xoá cột, xoá dòng, thêm cột, thêm dòng, tách ô, trộn ô, tách bảng, tùy chỉnh bảng, sắp xếp dữ liệu trong bảng, tính toán trong bảng,....

- In văn bản: in một số trang, in toàn bộ văn bản, in trang chẵn, in trang lẻ, in 1 bản, in nhiều bản,....

- Một số phím tắt thông dụng khi thao tác với văn bản.

III. Phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel

- Khái niệm: địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyệt đối, địa chỉ hỗn hợp, bảng tính (Sheet), Worksheet,....

- Định dạng cho các ô dữ liệu trong bảng tính: chữ (font chữ, kiểu chữ, cỡ chữ, màu chữ,...), căn lề dữ liệu trong ô, dữ liệu xuất hiện nhiều dòng trong một

ô (Wrap text), gộp ô (Merge cells), đường bao, màu nền; định dạng kiểu dữ liệu (số - Number, chữ - Text, ngày tháng - Date,...).

- Định dạng cho cột /dòng: thay đổi độ rộng cột, độ cao dòng.
- Thêm mới, đổi tên, sao chép, di chuyển, xóa bảng tính.
- Sao chép, di chuyển, xóa, phục hồi dữ liệu.
- Một số hàm thông dụng trong Excel: sum, average, max, min, count, counta, rank, lower, upper, proper, left, right, day, month, year, today, now, and, or, if, vlookup, hlookup.
- Một số lỗi thường gặp khi sử dụng hàm.
- Biểu đồ: tạo biểu đồ, chọn/ thay đổi kiểu biểu đồ, điền chú giải, điền tiêu đề cho biểu đồ và cho các trục X, Y của biểu đồ.
- Sắp xếp dữ liệu, trích lọc dữ liệu, tổng hợp dữ liệu.
- Thiết lập trang in và in bảng tính: kiểu giấy, hướng giấy, lề giấy, in một vùng của bảng tính, in một số trang, in toàn bộ bảng tính, in lặp lại tiêu đề bảng tính tại các trang sau,.../.